

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Quốc Tiến**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **252/2022/TLST-HNGĐ** ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **222/2022/QĐXXST-DS** ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **223/2022/QĐST-HNGĐ** ngày 17 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã AB, huyện CD, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã BC, huyện ED, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh N trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh N và anh Lê Văn T được gia đình hai bên mai mối và tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh ngày 25 tháng 11 năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc, nhưng thời gian sau, anh T không lo làm ăn để phát triển kinh tế trong gia đình. Trước đây anh T có sử dụng ma túy và đã đi cai nghiện 02 lần nhưng về nhà không chịu sửa đổi mà tiếp tục sử dụng ma túy, chị đã khuyên và nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T không chịu sửa đổi, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Anh T làm chị luôn thất vọng, từ đó vợ chồng thường hay bất hòa, không có tiếng nói chung.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Như xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày 26/8/2012 và Lê Huỳnh Thiên B, sinh ngày 26/8/2012, hiện các con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp T liệu, chứng cứ gồm Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các T liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Lê Văn T hiện đang cư trú tại ấp 2, xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trương Thị Huỳnh N và anh Lê Văn T.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

[4.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển số II/2008 ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã có đủ cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Huỳnh N và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị N hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị N cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được nên chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với bị đơn anh Lê Văn T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T không đến tham dự. N vậy đã cho thấy anh T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong quan hệ hôn nhân với chị N.

[4.3] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Trương Thị Huỳnh N về việc ly hôn với anh Lê Văn T là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo trình bày của chị Trương Thị Huỳnh N và các T liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị N và anh T có 02 con chung gồm Lê Huỳnh Thiên K, sinh ngày 26/8/2012 và Lê Huỳnh Thiên B, sinh ngày 26/8/2012, hiện các con chung đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Đồng thời, theo nguyện vọng của các con chung tại các văn bản ý kiến đề ngày 01/8/2022 thì các con chung có nguyện vọng được sống với chị N trong trường hợp chị N và anh T không còn sống chung. Bởi lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị N; giao các con chung gồm Thiên Kim và Thiên Bảo cho chị Trương Thị Huỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nhưng không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về T sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ không có T sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Trương Thị Huỳnh N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Huỳnh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao các con chung Lê Huỳnh Thiên K - sinh ngày 26/8/2012 và Lê Huỳnh Thiên B - sinh ngày 26/8/2012 cho chị Trương Thị Huỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trương Thị Huỳnh N phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009400 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. N vậy chị Trương Thị Huỳnh N đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- UBND xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh

